

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thái Sơn

2. Ông Nguyễn Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Huyền Tr - sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Tổ 18, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Thành C - sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Tổ 18, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Chỗ ở hiện nay bản H, xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của chị Lê Huyền Tr là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Phan Thành C về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 20/3/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Hai bên chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời, cờ bạc, hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến cãi nhau, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, dù có sống chung vì con cũng khó vui về hạnh phúc. Hơn nữa, chị Tr và anh C đã ly thân từ tháng 7/2023, sau khi ly thân chị Tr không quan tâm đến anh C nữa. Đến nay chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy

trì hôn nhân do mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thành C.

Về việc nuôi con: Chị Tr và anh C có 01 con chung, cháu Phan Lê Ngọc D sinh ngày 14/7/2014. Sau khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), hiện con chung đang sống cùng chị Tr. Chị Tr hiện đang làm việc tại Trung tâm y tế thành phố Lai Châu, C việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. (thu nhập từ lương và tiền cho thuê nhà hơn 16.000.000 đồng/tháng)

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2023 anh Phan Thành C trình bày: Về thời gian địa điểm đăng ký kết hôn giống như phần trình bày của chị Tr. Về quan hệ hôn nhân, anh C cho rằng quá trình chung sống hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng từ năm 2018 chị Tr đi học, đến năm 2022 chị Tr đi học về và có ý định ly hôn. Anh C cho rằng vì lý do C việc nên anh đang ở nhà tập thể của Công an xã P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Anh C vẫn yêu thương vợ con, đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình và mong muốn cùng chung sống, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái. Vì vậy, anh không nhất trí ly hôn với chị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án anh C đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận C khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng không ký biên bản kiểm tra việc tiếp cận, C khai chứng cứ và biên bản Hòa giải.

Về việc nuôi con: Anh C và chị Tr có 01 con chung, cháu Phan Lê Ngọc D sinh ngày 14/7/2014. Nếu phải ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Tại phiên hòa giải, ngày 24/4/2024 anh C có trình bày ý kiến yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, nhưng không nêu cụ thể loại tài sản, giá trị tài sản và không ký biên bản hòa giải. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của anh C ngày 26/4/2024 Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã ban hành văn bản yêu cầu anh C làm đơn yêu cầu chia tài sản và nộp kèm tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngày 03/5/2024 anh C làm văn bản trả lời, ngày 10/5/2024 Tòa án nhận được văn bản do dịch vụ bưu chính chuyển đến, văn bản có nội dung yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, nhưng anh C không nộp kèm tài liệu chứng cứ. Ngày 13/5/2024 TAND thành phố Lai Châu ban hành thông báo yêu cầu anh C sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản, hướng dẫn anh C sửa đơn về hình thức, nội dung và yêu cầu nộp kèm tài liệu chứng cứ. Anh C nhận văn bản nhưng ngày 15/5/2024 anh C lại làm văn bản trả lời, nội dung trình bày là C dân chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nhưng còn nhiều băn khoăn và không hiểu sâu rộng về Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án làm đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự và không có nội dung sửa đổi, làm rõ yêu cầu chia tài sản và không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc chia tài sản. Ngày 20/5/2024 Tòa án ban hành thông báo không thụ lý đề nghị phân chia

tài sản chung của vợ chồng anh C do anh Phan Thành C tuy nhận được các quyết định và thông báo trên của Tòa án nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản theo quy định và không sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu theo thông báo trên của TAND thành phố Lai Châu. Hơn nữa, anh C không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quyền lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

* Ý kiến của cháu Phan Lê Ngọc D là con chung của anh C và chị Tr: Quá trình chung sống cháu thấy thi thoảng bố mẹ có to tiếng với nhau. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh Phan Thành C và chị Lê Huyền Tr tại C an xã P (BL 62 ngày 28/12/2023) và tổ 18, phường P, thành phố C (BL 64, 65 ngày 29/01/2024), cho thấy: anh C được điều động về C tác tại Công an xã P từ 01/7/2023, do đơn vị thiếu người nên lịch trực của anh C là cách ngày trực 01 ngày, những ngày trực đơn vị mới yêu cầu anh C có mặt 24/24, còn những ngày không trực đơn vị không bắt buộc. Từ cuối tháng 8/2023, anh C có ở lại và sinh hoạt tại trụ sở C an xã P, thành phố C; Vợ chồng anh C và chị Tr trước đây có cùng chung sống với nhau trên địa bàn tổ 18, phường P, quá trình chung sống hàng xóm và tổ dân phố không thấy giữa anh chị có xảy ra cãi nhau hay xô sát để tổ hòa giải của tổ dân phố phải đến can thiệp, hòa giải. Tuy nhiên từ khoảng giữa tháng 7, tháng 8 /2023 không thấy anh C và chị Tr cùng chung sống trên địa bàn nữa.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn không chấp hành đầy đủ và nghiêm túc pháp luật tố tụng dân sự (nguyên đơn không thực hiện việc sao gửi tài liệu chứng cứ cho bị đơn theo khoản 5 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 11/06/2024 và ngày 21/6/2024, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không ký vào biên bản làm việc). Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 21/6/2024, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Thành C là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huyền Tr về việc ly hôn với anh Phan Thành C.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Huyền Tr được ly hôn với anh Phan Thành C.
- Về con chung: Giao cháu Phan Lê Ngọc D sinh ngày 14/7/2014 cho chị Lê Huyền Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Chị Tr không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét.
- Anh Phan Thành C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.
- Về chia tài sản: Chị Lê Huyền Tr không yêu cầu, anh Phan Thành C sau phiên họp tiếp cận kiểm tra C khai chứng cứ lần thứ hai mới có ý kiến đề nghị chia tài sản khi ly hôn nhưng không sửa đổi sung yêu cầu theo yêu cầu của Thẩm phán và không cung cấp tài liệu chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Chị Lê Huyền Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Huyền Tr làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Thành C, anh C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 18, phường P, thành phố C, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Anh Phan Thành C đã được Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 11/6/2024 và phiên tòa 21/6/2024 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Thành C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Huyền Tr và anh Phan Thành C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2014 tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Tr và anh C chung sống với nhau tại tổ 18, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống chị Tr và anh C chung sống hạnh phúc với nhau. Từ năm 2020 thì hai bên có những mâu thuẫn xuất phát từ lối sống, cách sinh hoạt của anh C dẫn đến hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị Tr và anh C đã ly thân từ khoảng tháng 7/2023, sau khi ly thân chị Tr không quan tâm đến anh C nữa. Việc hai vợ chồng sống ly thân và không quan tâm nhau là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình. Anh C là bị đơn tuy có mặt tại các phiên hòa giải trình bày ý kiến nhưng không ký biên bản hòa giải, điều đó thể hiện bị đơn không thực sự mong muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ. Đến nay chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh C

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy hai vợ chồng chị Tr và anh C không có khả năng đoàn tụ, nên chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Thành C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần xem xét, chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Tr và anh C có 01 con chung, cháu Phan Lê Ngọc D sinh ngày 14/7/2014.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị Tr và anh C: Anh C và chị Tr đều có C việc và thu nhập ổn định, anh C hiện sinh sống tại nhà tập thể của C an xã P, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Chị Tr có nhà ở ổn định tại tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Xét thấy, từ khi anh C và chị Tr ly thân cháu D sống cùng với chị Tr. Chị Tr đã chăm sóc cháu D chu đáo. Cháu D là bé gái chuẩn bị đến tuổi dậy thì nên việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con từ người mẹ sẽ phù hợp với tâm sinh lý của con hơn. Chị Tr có nhà ở ổn định, có điều kiện về nơi sinh hoạt học tập thuận lợi cho con chung. Hơn nữa cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và trên cơ sở xem xét các điều kiện về việc nuôi con của chị Tr và anh C hiện tại, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng nuôi cháu D của chị Tr.

Chị Tr không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị Lê Huyền Tr không yêu cầu. Anh Phan Thành C sau phiên họp tiếp cận kiểm tra C khai chứng cứ lần thứ hai, tại phiên hòa giải mới có ý kiến đề nghị chia tài sản khi ly hôn nhưng không sửa đổi sung yêu cầu theo yêu cầu của Thẩm phán và không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ để Tòa án xem xét chia tài sản. Trường hợp anh C có yêu cầu chia tài sản thì anh C có quyền làm đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn kèm theo tài liệu chứng cứ đề nghị tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Huyền Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 51, 54, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huyền Tr về việc “Ly hôn” với anh Phan Thành C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huyền Tr được ly hôn với anh Phan Thành C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê Ngọc D sinh ngày 14/7/2014 cho chị Lê Huyền Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Chị Tr không yêu cầu anh C cấp dưỡng

nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phan Thành C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Huyền Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, xác nhận chị Tr đã nộp theo biên lai số 0000125 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA thành phố Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, tp. Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh